

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 126/2024/DS-ST
Ngày: 13-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Tác
- Bà Nguyễn Thuý Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Bạch Tuyết- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng góp hụi”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1974. Nơi cư trú: tổ 03, ấp Hiệp Trung, xã Hiệp X, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Lương Bửu H, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962. Cùng cư trú: tổ 03, ấp Hiệp Thạnh, xã Hiệp X, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Bà H có mặt; bà N, ông H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:

Do quen biết cùng xóm nên có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lương Bửu H1 làm chủ đây hụi 100.000 đồng/1 tuần, khởi hụi ngày 26/11a/2022, có 50 phần, bà H tham gia 02 phần, số thứ tự 27, 28 trong danh sách hụi. Các lần khai hụi chủ yếu qua điện thoại, sau đó 01 ngày thì bà N đến nhà góp tiền hụi. Đến lần thứ 48, bà H hốt chót được 9.600.000 đồng nhưng bà N, ông H1 không giao tiền hốt hụi cho bà. Ngày 02/02/2024, bà có khởi kiện

đến Ban áp Hiệp Thạnh, bà N thừa nhận có nợ tiền hụi nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi dứt số tiền hụi 5.000.000 đồng. Nay bà H rút một phần yêu cầu đối với số tiền 2.400.000 đồng, chỉ yêu cầu vợ chồng ông H1, bà N liên đới trả vốn 7.200.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Lương Bửu H1: Tòa án đã triệu tập họp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Biên bản xác minh ngày 19/3/2024 tại Ban áp Hiệp Thạnh thể hiện: ông H1 và bà N là vợ chồng hiện đang sinh sống tại địa pH, vào ngày 02/02/2024 Ban áp có hoà giải tranh chấp hụi theo đơn tường trình của bà H đòi tiền hụi bà N, nội dung đúng như biên bản mà bà H cung cấp cho Tòa án. Vợ chồng bà N làm chủ hụi khoảng năm 2022, trước đây sống bằng nghề làm mướn, việc vợ chồng bà N vỡ hụi là có thật, nhưng các hụi viên khác và bà N, ông H1 tự thoả thuận trả dần nên đến nay không có ai gửi đơn kiện đến Ban áp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.400.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị N, ông Lương Bửu H1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền hụi 7.200.000 đồng cho bà Lê Thị Cẩm H. Về án phí, ông H1, bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà H khởi kiện bà N, ông H1 đòi số tiền hụi, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bà N, ông H1 có nơi cư trú tại xã Hiệp Xương, huyện PT, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông H1, bà N đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H1, bà N.

[1.4] Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu ông H1, bà N trả số tiền hụi 9.600.000 đồng, nay chỉ yêu cầu trả vốn 7.200.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên chấp nhận theo quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Ngày 26/11a/2022, bà H có tham gia chơi hụi do bà N, ông H1 làm chủ, chứng cứ khởi kiện là danh sách hụi ngày 26/11a/2022 ghi tên chủ hụi Lương Bửu H1, do bà N lập và giao cho các hụi viên. Bà H hốt chót được số tiền 9.600.000 đồng, đã trừ huê hồng 200.000 đồng nhưng đến nay bà N, ông H1 vẫn chưa giao. Ngoài ra, còn có chứng cứ là Biên bản hoà giải ngày 02/02/2024 của Ban áp Hiệp Thạnh. Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định do bà N trực tiếp nhận nhưng không có ý kiến phản đối, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về tiền lãi hụi, lẽ ra phải điều chỉnh tiền lãi trên tổng số tiền vốn góp mà bà H đã thực nộp cho bà N, ông H1 theo mức lãi 20%/năm theo quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, nhưng do bà N, ông H1 không tham gia hoà giải, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối hay yêu cầu xem xét điều chỉnh lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Theo biên bản xác minh thể hiện ông H1, bà N là vợ chồng sống lâu năm tại địa pH, làm chủ hụi thời gian năm 2022 và có võ hụi, hiện nay vẫn đang sinh sống tại địa pH. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc bà N, ông H1 phải có trách nhiệm liên đới trả nợ hụi cho bà H số tiền 7.200.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[2.4] Về án phí DSST: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (7.200.000 đồng x 5% = 360.000 đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H đối với số tiền 2.400.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H đối với bà Nguyễn Thị N, ông Lương Bửu H1 về hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lương Bửu H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm ngàn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Cẩm H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0006546 ngày 16/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

Bà Nguyễn Thị N, ông Lương Bửu H1 phải cùng chịu án phí 360.000 đồng (Ba trăm sáu mươi ngàn đồng) đối với số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm H.

4. Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N, ông H1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.